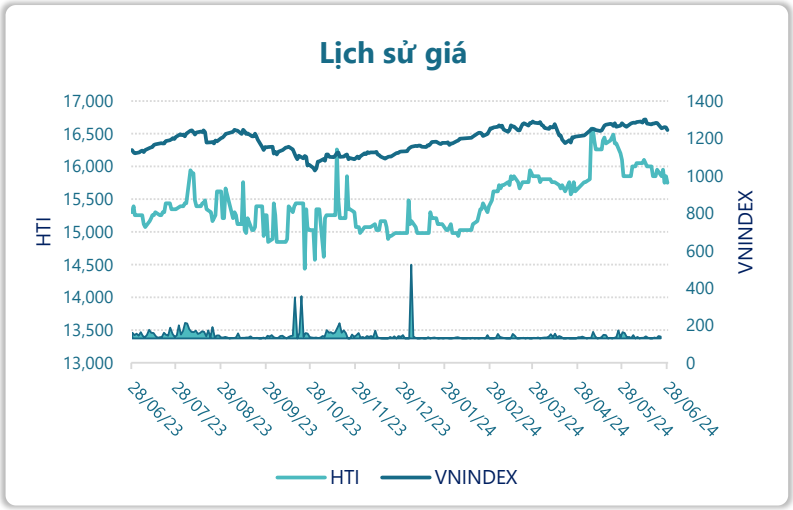
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HSX: HTI)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,578
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,437
SL cổ phiếu LH	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,570
% sở hữu nước ngoài	15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	393
P/E	6.5
EPS	2,410

DT thuần

Q2/24

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 5.7%

YoY: ▲ 5.00| 4.8%

LN sau thuế

Q2/24

16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 13.5%

YoY: ▲ 1.90| 12.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

29.9%

+/- YoY: ▼ 5.0%

DT thuần

6T 2024

226

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.0| 4.7%

LN sau thuế

6T 2024

31.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.80| 9.8%

ROE

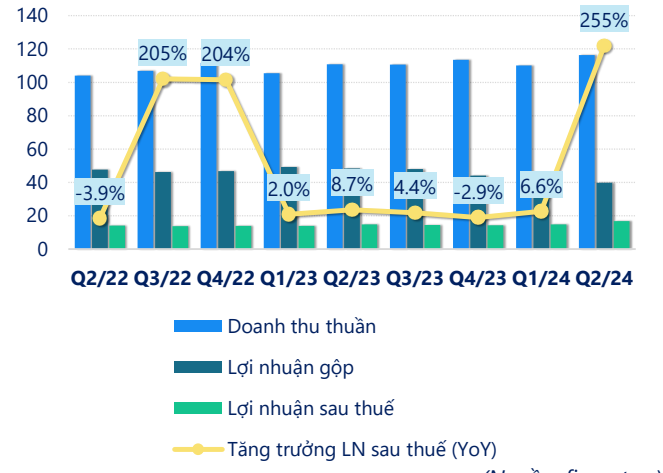
Q2/24

13.0%

+/- YoY: ▲ 1.0%

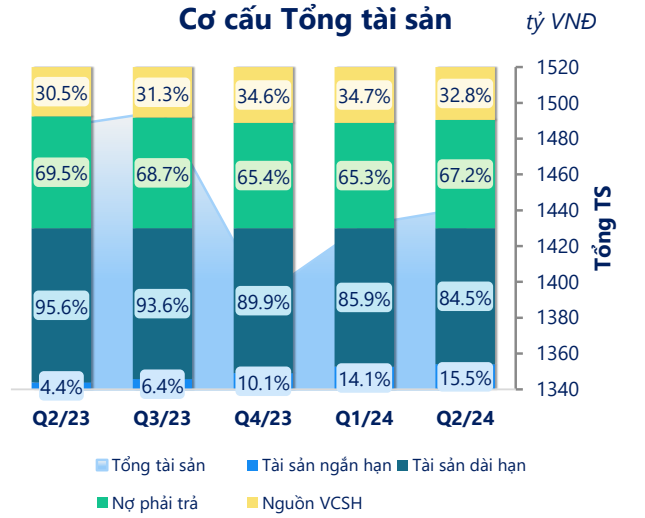
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



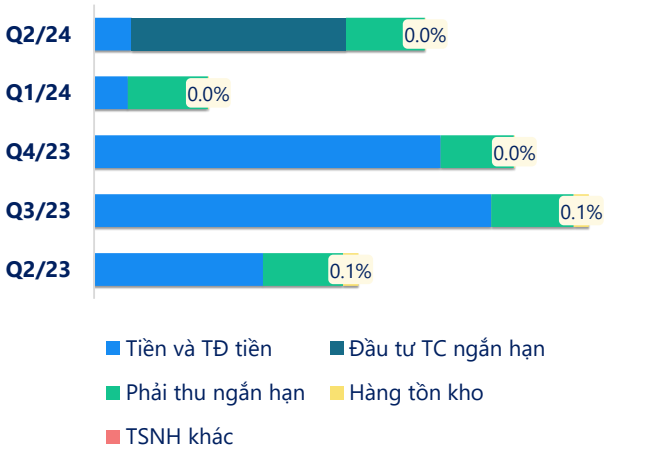
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



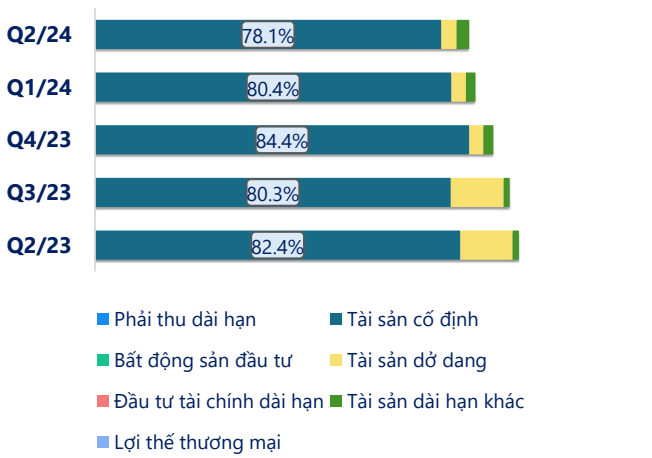
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



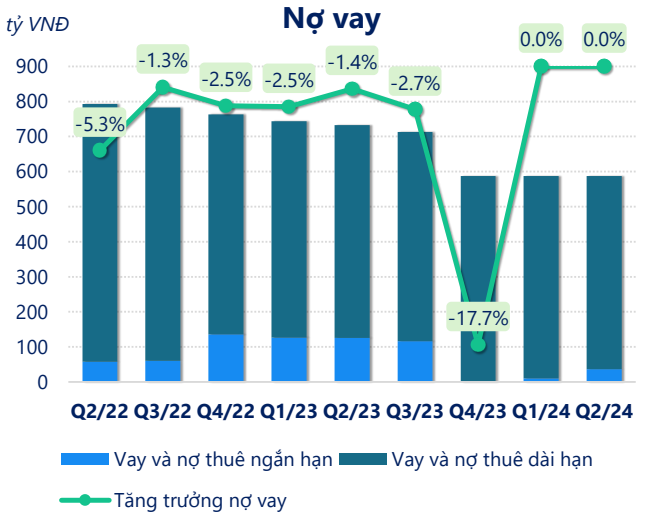
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



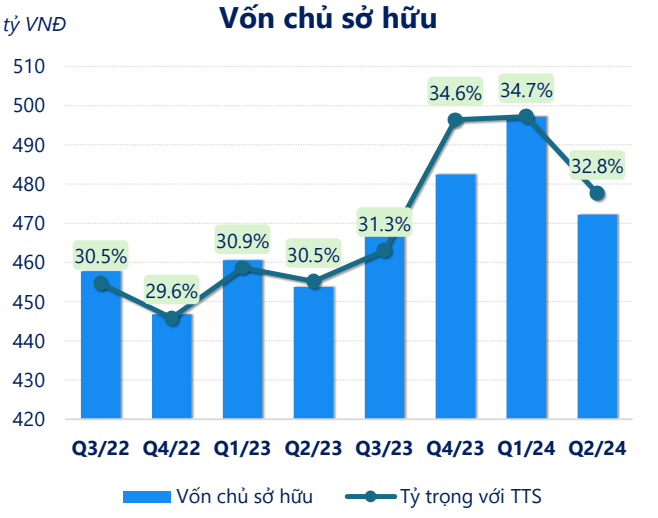
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



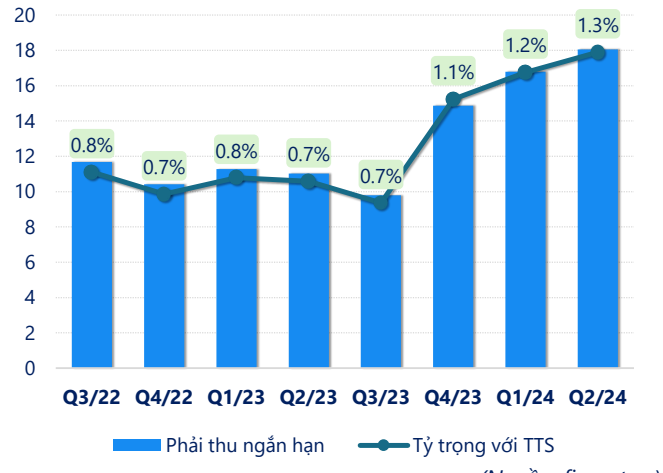
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



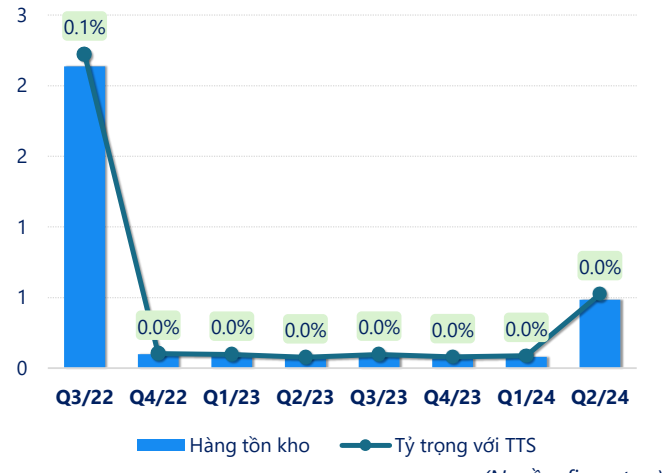
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



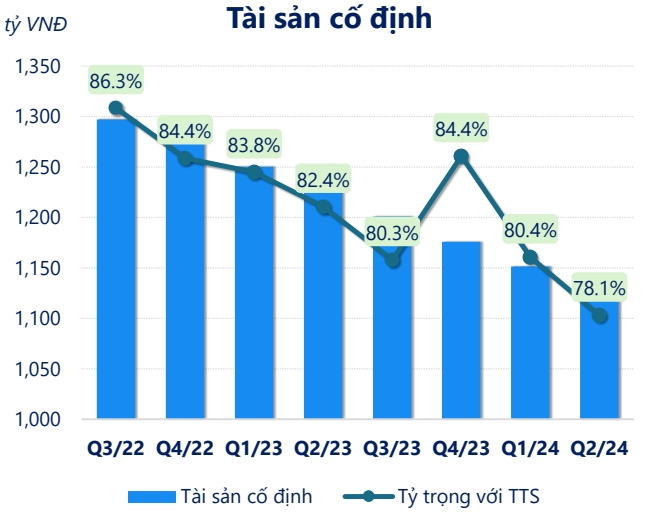
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



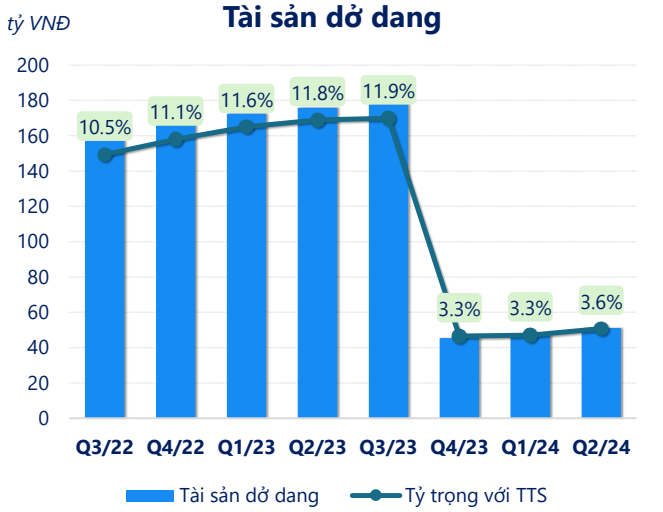
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



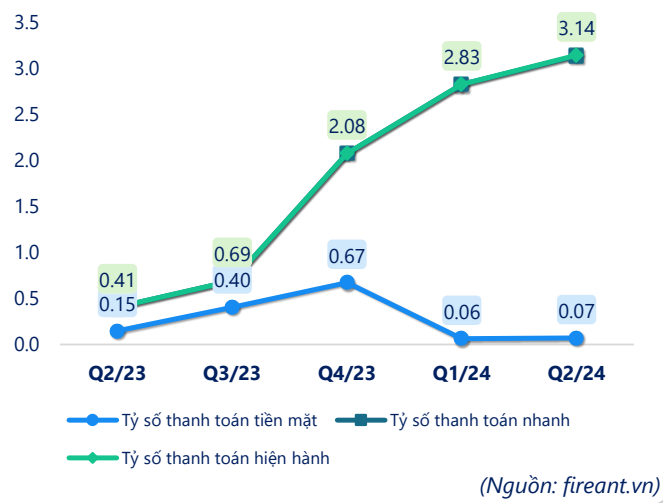
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



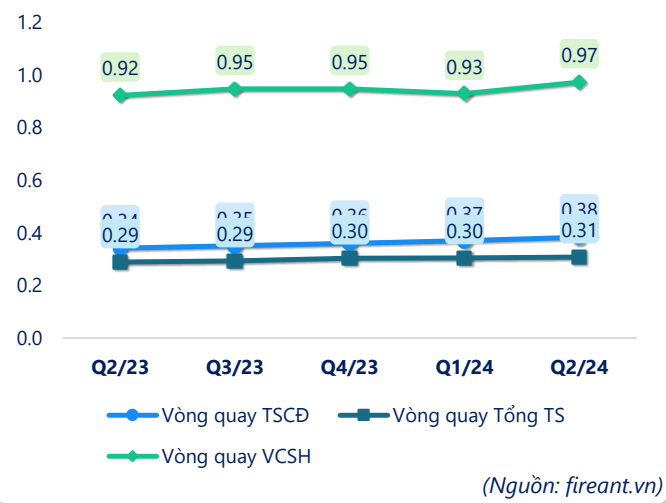
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,487**	**1,495**	**1,393**	**1,432**	**1,441**
Tài sản ngắn hạn	**64.7**	**95.7**	**140**	**202**	**224**
Tiền và tương đương tiền	23.6	55.8	45.4	4.53	5.08
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.0	30.0	80.0	181	200
Phải thu ngắn hạn	11.0	9.80	14.9	16.8	18.1
Hàng tồn kho	0.07	0.09	0.07	0.08	0.48
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1,422**	**1,400**	**1,252**	**1,230**	**1,217**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0	0	0
Tài sản cố định	1,226	1,201	1,176	1,152	1,126
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	176	178	45.4	47.1	51.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.7	20.7	31.0	31.0	40.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,033**	**1,027**	**910**	**935**	**969**
Nợ ngắn hạn	**159**	**138**	**67.5**	**71.5**	**71.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	116	0	10.0	36.1
Phải trả người bán ngắn hạn	16.8	3.58	2.83	3.16	9.39
Nợ dài hạn	874	889	843	863	898
Vay và nợ thuê dài hạn	607	597	587	577	551
Nguồn vốn chủ sở hữu	**454**	**468**	**482**	**497**	**472**
Vốn chủ sở hữu	**454**	**468**	**482**	**497**	**472**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)